

Số: 32 /2023/TT-BTC

Hà Nội, ngày 09 tháng 5 năm 2023

THÔNG TƯ

Hướng dẫn việc sử dụng kinh phí chi thường xuyên của ngân sách nhà nước, bao gồm cả nguồn vốn tài trợ của các tổ chức, cá nhân để lập, thẩm định, quyết định hoặc phê duyệt công bố, điều chỉnh quy hoạch

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Quốc hội về tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021-2030 (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 61/2022/QH15);

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 14/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 4 năm 2023 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Thực hiện Nghị quyết số 108/NQ-CP ngày 26 tháng 8 năm 2022 của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Quốc hội về tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021-2030;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tài chính hành chính sự nghiệp; Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn việc sử dụng kinh phí chi thường xuyên của ngân sách nhà nước, bao gồm cả nguồn vốn tài trợ của các tổ chức, cá nhân để lập, thẩm định, quyết định hoặc phê duyệt công bố, điều chỉnh quy hoạch.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Thông tư này quy định việc quản lý và sử dụng nguồn kinh phí chi thường xuyên của ngân sách nhà nước (bao gồm cả nguồn vốn tài trợ của các tổ chức, cá nhân) để lập, thẩm định, quyết định hoặc phê duyệt công bố, điều chỉnh quy hoạch theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022 về tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021-2030 mà đến thời điểm Nghị quyết số 61/2022/QH15 có hiệu lực thi hành chưa được bố trí vốn để thực hiện, bao gồm: Các nhiệm vụ quy hoạch, dự án quy hoạch thuộc hệ thống quy hoạch quốc gia và các nhiệm vụ quy hoạch, dự án quy hoạch có tính chất kỹ thuật chuyên ngành.

b) Việc quản lý, sử dụng các nguồn kinh phí sau không thuộc phạm vi điều chỉnh của Thông tư này:

- Nhiệm vụ quy hoạch, dự án quy hoạch sử dụng vốn đầu tư công thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư công.

- Các khoản hỗ trợ mà nhà tài trợ hoặc đại diện có thẩm quyền của nhà tài trợ đã có thỏa thuận khác về nội dung và mức chi thì thực hiện theo văn bản thỏa thuận và quy định pháp luật có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân quản lý, sử dụng nguồn kinh phí chi thường xuyên của ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ lập, thẩm định, quyết định, hoặc phê duyệt, công bố, điều chỉnh quy hoạch; tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc quản lý, sử dụng, quyết toán kinh phí chi thường xuyên thực hiện nhiệm vụ.

Điều 2. Nguồn kinh phí thực hiện

1. Nguồn kinh phí chi thường xuyên của ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách phù hợp với quy định của Luật Ngân sách nhà nước, bao gồm:

a) Kinh phí thực hiện nhiệm vụ, dự án quy hoạch của các Bộ, cơ quan trung ương do ngân sách trung ương bảo đảm.

b) Kinh phí thực hiện nhiệm vụ, dự án quy hoạch của các địa phương do ngân sách địa phương bảo đảm.

2. Nguồn tài trợ của các tổ chức, cá nhân cho chi thường xuyên ngân sách nhà nước để lập, thẩm định, quyết định hoặc phê duyệt, công bố, điều chỉnh quy hoạch theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 1 Thông tư này.

Điều 3. Nguyên tắc thực hiện

1. Các nhiệm vụ, dự án quy hoạch phù hợp với Luật Quy hoạch, Nghị quyết số 61/2022/QH15 và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan được cấp có thẩm quyền phê duyệt mới đủ điều kiện để bố trí kinh phí và triển khai thực hiện.

2. Các cơ quan, tổ chức được giao thực hiện các dự án quy hoạch và các nhiệm vụ quy định tại Điều 7 Luật Quy hoạch khi triển khai nhiệm vụ có trách

nhiệm quản lý, sử dụng, quyết toán kinh phí đúng mục đích, đúng chế độ, chịu sự kiểm tra kiểm soát của cơ quan chức năng có thẩm quyền và chấp hành chế độ công khai ngân sách theo quy định hiện hành.

3. Việc mua máy móc, thiết bị, dịch vụ nhằm phục vụ trực tiếp cho hoạt động quy hoạch thực hiện theo quy định pháp luật về đấu thầu và ngân sách nhà nước. Trường hợp dịch vụ trong hoạt động quy hoạch thuộc danh mục sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước thì việc sử dụng kinh phí thực hiện theo quy định pháp luật về giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công và pháp luật về giá.

4. Đối với việc tài trợ của các tổ chức, cá nhân cho nhiệm vụ chi thường xuyên để lập, thẩm định, quyết định hoặc phê duyệt, công bố, điều chỉnh quy hoạch:

a) Trường hợp tài trợ bằng tiền: Nguồn kinh phí tài trợ được bổ sung vào dự toán kinh phí chi thường xuyên ngân sách nhà nước theo quy định pháp luật về ngân sách nhà nước để thực hiện nhiệm vụ quy hoạch, dự án quy hoạch theo dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Đối với các khoản kinh phí mà nhà tài trợ hoặc đại diện có thẩm quyền của nhà tài trợ đã có thỏa thuận khác về nội dung và mức chi, thì thực hiện theo văn bản thỏa thuận và quy định pháp luật có liên quan.

b) Trường hợp tài trợ bằng tài sản, hiện vật: Việc tiếp nhận, hạch toán, quản lý, sử dụng thực hiện theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và pháp luật có liên quan.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Nội dung và định mức kinh tế - kỹ thuật cho hoạt động quy hoạch

a) Nội dung và định mức kinh tế - kỹ thuật lập, thẩm định, quyết định hoặc phê duyệt, công bố, điều chỉnh quy hoạch thuộc hệ thống quy hoạch quốc gia thực hiện theo Thông tư số 08/2019/TT-BKHĐT ngày 17 tháng 5 năm 2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về định mức cho hoạt động quy hoạch.

b) Nội dung và định mức kinh tế - kỹ thuật phục vụ công tác lập, thẩm định, quyết định hoặc phê duyệt, công bố, điều chỉnh quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành tại Phụ lục 2 của Luật Quy hoạch thực hiện tương ứng theo quy định của pháp luật có liên quan, cụ thể:

- Thông tư số 09/2020/TT-BTNMT ngày 17 tháng 9 năm 2020 của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật lập quy hoạch tổng hợp lưu vực sông liên tỉnh, nguồn nước liên tỉnh;

- Thông tư số 11/2020/TT-BNNPTNT ngày 27 tháng 10 năm 2020 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành quy định kỹ thuật và định mức kinh tế - kỹ thuật cho hoạt động quy hoạch thủy lợi và điều tra cơ bản thủy lợi;

- Thông tư số 33/2021/TT-BGTVT ngày 15 tháng 12 năm 2021 của Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn định mức cho hoạt động quy hoạch có tính chất kỹ thuật chuyên ngành trong lĩnh vực giao thông vận tải;

- Thông tư số 09/2022/TT-BKHHCN ngày 28 tháng 7 năm 2022 của Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật lập, thẩm định, công bố, điều chỉnh quy hoạch phát triển, ứng dụng năng lượng nguyên tử;

- Thông tư số 04/2023/TT-BVHTTDL ngày 04 tháng 4 năm 2023 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định định mức kinh tế - kỹ thuật cho lập và điều chỉnh quy hoạch quảng cáo ngoài trời;

- Các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan hướng dẫn định mức kinh tế - kỹ thuật cho hoạt động quy hoạch do các Bộ, cơ quan trung ương ban hành theo thẩm quyền.

Điều 5. Về giá trong hoạt động quy hoạch

Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 113/2018/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2018 của Bộ Tài chính quy định về giá trong hoạt động quy hoạch.

Điều 6. Một số mức chi cụ thể

Việc sử dụng nguồn kinh phí chi thường xuyên ngân sách nhà nước, bao gồm cả nguồn tài trợ của các tổ chức, cá nhân, cho nhiệm vụ lập, thẩm định, quyết định hoặc phê duyệt công bố, điều chỉnh quy hoạch thực hiện theo chế độ, định mức chi tiêu tài chính hiện hành do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định. Thông tư này hướng dẫn thêm một số mức chi cụ thể như sau:

a) Chi công tác phí, hội nghị: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 04 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ hội nghị;

b) Chi đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 03 năm 2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và Thông tư số 06/2023/TT-BTC ngày 31 tháng 01 năm 2023 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2018/TT-BTC;

c) Chi điều tra, khảo sát, thống kê: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê, tổng điều tra thống kê quốc gia và Thông tư số 37/2022/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2022 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung khoản 9 Điều 3 và Mẫu số 01 kèm theo Thông tư số 109/2016/TT-BTC;

d) Chi nghiên cứu khoa học phục vụ hoạt động quy hoạch: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 03/2023/TT-BTC ngày 10 tháng 01 năm 2023 của Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ;

e) Chi kiểm tra, giám sát và đánh giá: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 06/2007/TT-BTC ngày 26 tháng 01 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập dự toán, quản lý, sử dụng kinh phí đảm bảo cho công tác kiểm tra việc thực hiện chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch và Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị;

g) Chi thuê chuyên gia trong nước: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 02/2015/TT-BLĐTBXH ngày 12 tháng 01 năm 2015 của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội quy định mức lương đối với chuyên gia tư vấn trong nước làm cơ sở dự toán gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn áp dụng hình thức hợp đồng theo thời gian sử dụng vốn nhà nước.

h) Chi ứng dụng công nghệ thông tin: Thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước và quy định của pháp luật có liên quan; các định mức kinh tế - kỹ thuật trong lĩnh vực thông tin và truyền thông;

i) Các nội dung, hoạt động, định mức chi khác theo các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.

Điều 7. Lập dự toán

Việc lập kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm và dự toán ngân sách hằng năm kinh phí chi thường xuyên thực hiện các nhiệm vụ, dự án quy hoạch thực hiện theo quy định của Luật ngân sách nhà nước, Luật Quy hoạch và các văn bản hướng dẫn. Thông tư này hướng dẫn cụ thể một số nội dung như sau:

1. Lập dự toán

a) Đối với nhiệm vụ quy hoạch, dự án quy hoạch do các Bộ, cơ quan Trung ương thực hiện:

Hằng năm căn cứ Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước; Thông tư hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước hằng năm và kế hoạch tài chính ngân sách nhà nước 3 năm của Bộ Tài chính; quyết định phê duyệt nhiệm vụ của cơ quan có thẩm quyền; khối lượng nhiệm vụ quy hoạch, dự án quy hoạch cần thực hiện trong năm kế hoạch; định mức kinh tế - kỹ thuật quy hoạch và chế độ chi tiêu tài chính hiện hành, các đơn vị lập dự toán kinh phí chi tiết theo các nhiệm vụ quy hoạch, dự án quy hoạch báo cáo các Bộ, cơ quan trung ương để tổng hợp vào dự toán năm kế hoạch gửi Bộ Tài chính rà soát, tổng hợp báo cáo Chính phủ trình Quốc hội xem xét, quyết định.

b) Đối với nhiệm vụ quy hoạch, dự án quy hoạch do địa phương thực hiện:

Hằng năm căn cứ Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ về việc xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước; Thông tư hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước hằng năm và kế hoạch tài chính ngân sách nhà nước 3 năm của Bộ Tài chính; hướng dẫn của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

hoặc cơ quan có thẩm quyền về lập dự toán ngân sách ở các cấp địa phương; quyết định phê duyệt nhiệm vụ của cơ quan có thẩm quyền; khối lượng nhiệm vụ quy hoạch, dự án quy hoạch thực hiện trong năm kế hoạch; định mức kinh tế - kỹ thuật quy hoạch và chế độ chi tiêu tài chính hiện hành, các đơn vị lập dự toán kinh phí chi tiết theo các nhiệm vụ, dự án quy hoạch báo cáo cơ quan quản lý chuyên ngành địa phương để tổng hợp vào dự toán năm kế hoạch gửi cơ quan Tài chính tổng hợp vào dự toán chi ngân sách báo cáo Ủy ban nhân dân trình Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định.

Điều 8. Phân bổ, quản lý, sử dụng kinh phí

Việc phân bổ, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước năm 2015, Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính, trong đó:

a) Đối với nhiệm vụ, dự án quy hoạch do các Bộ, cơ quan Trung ương thực hiện:

Căn cứ dự toán được cấp có thẩm quyền giao, các Bộ, cơ quan Trung ương lập phương án phân bổ dự toán cho các đơn vị sử dụng ngân sách; chi tiết theo nhiệm vụ, dự án quy hoạch, tổng hợp chung vào phương án phân bổ dự toán của Bộ, cơ quan Trung ương, gửi Bộ Tài chính kiểm tra theo quy định. Sau khi có ý kiến thống nhất của Bộ Tài chính, các Bộ, cơ quan Trung ương giao dự toán cho các đơn vị thực hiện; đồng gửi Bộ Tài chính, Kho bạc Nhà nước và Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch để phối hợp thực hiện.

b) Đối với nhiệm vụ, dự án quy hoạch do địa phương thực hiện:

Căn cứ dự toán được cấp có thẩm quyền giao, cơ quan quản lý cấp trên ở địa phương (đơn vị dự toán cấp I) lập phương án phân bổ dự toán cho các đơn vị sử dụng ngân sách; chi tiết theo nhiệm vụ, dự án quy hoạch, tổng hợp chung vào phương án phân bổ dự toán của cơ quan, gửi cơ quan tài chính đồng cấp kiểm tra theo quy định. Sau khi có ý kiến thống nhất của cơ quan tài chính, cơ quan quản lý cấp trên giao dự toán cho các đơn vị thực hiện; đồng gửi cơ quan tài chính cùng cấp, Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch để phối hợp thực hiện.

Điều 9. Quyết toán kinh phí

a) Về quyết toán theo niên độ ngân sách hằng năm:

Thực hiện theo quy định của Thông tư số 137/2017/TT-BTC ngày 25/12/2017 của Bộ Tài chính quy định xét duyệt, thông báo và tổng hợp quyết toán năm.

b) Về quyết toán giá trị nhiệm vụ, dự án hoàn thành

Đối với nhiệm vụ quy hoạch, dự án quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt dự toán có thời hạn thực hiện trên 12 tháng, ngoài việc thực hiện quyết toán theo niên độ, các đơn vị còn phải thực hiện quyết toán nhiệm vụ, dự án hoàn thành.

Điều 10. Kiểm soát chi và thanh toán qua Kho bạc nhà nước

Việc kiểm soát chi và tạm ứng thanh toán thực hiện theo quy định tại Nghị định số 11/2020/NĐ-CP ngày 20 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ quy định về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Kho bạc Nhà nước và Thông tư số 62/2020/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn kiểm soát, thanh toán các khoản chi thường xuyên từ ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 11. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 14 tháng 7 năm 2023.
2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật trích dẫn tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật khác thì áp dụng theo quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.
3. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị các cơ quan, đơn vị phản ánh về Bộ Tài chính để xem xét giải quyết. /

Nơi nhận:

- Ban Bí thư TW Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng TW và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chủ tịch nước;
- Viện KSND tối cao; TAND tối cao;
- Ủy ban Giám sát Tài chính QG;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Cơ quan TW của các đoàn thể;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Sở TC, KBNN các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Công báo;
- Cổng thông tin điện tử: Chính phủ, Bộ Tài chính;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, HCSN (250 b) /

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Võ Thành Hưng

10

